Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 32: DANH TỪ**

**I. Mục tiêu :**

1. Kiến thức: Củng cố và nâng cao một bước kiến thức về danh từ đã học ở tiểu học.

- Nắm được đặc điểm của danh từ, các nhóm danh từ chỉ đơn vị và chỉ sự vật.

- Tích hợp với văn trong văn bản “Cây bút thần”,”Em bé thông minh” với tập làm văn ở ngôi kể và lời kể trong văn tự sự.

2. Kĩ năng: Thống kê, phân loại các danh từ. Sử dụng danh từ để đặt câu.

3. Thái độ: Tích cực tìm hiểu bài.

4. Năng lực

**Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**II. CHUẨN BỊ:**

1 Giáo viên: sgk,sgv,giáo án,tài liệu tham khảo.

2 Học sinh: sgk,vở ghi,soạn bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1.Ổn định tổ chức (1’)**

**2.Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của GV** | **HĐ của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)** | | |
| **GV trình chiếu một đoạn văn khoảng 5 câu và yêu cầu hs tìm những danh từ có trong đó**  **Gv dẫn vào bài :** *Danh từ là từ chỉ người, chỉ vật. Đó là kiến thức chúng ta đã học ở bậc tiểu học. Hôm nay, chúng ta nắm lại đặc điểm của danh từ và các nhóm danh từ chỉ đơn vị và chỉ sự vật* | Hs quan sát và tìm  Hs lắng nghe |  |
| **B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25’)** | | |
| **HĐ 1 :HDHS tìm hiểu đặc điểm của danh từ**  - Thế nào là danh từ?  - Gọi học sinh đọc ví dụ 1.  - Hãy xác định danh từ trong cụm danh từ in đậm ở đoạn văn trên?  - Trước và sau danh từ trong cụm danh từ trên còn có những từ nào?  - Tìm thêm các danh từ khác trong câu?  - Danh từ biểu thị những gì?  - Khả năng kết hợp của nó ntn?  (+ sau: ấy, này, nọ, kia, khác…  + trước: những, ba, bốn, vài…)  - Hãy đặt câu với các danh từ?  (lưu ý: chức vụ dt thường là CN.  Nếu là VN có từ “là” đứng trước.)  - Gọi h/s đọc ghi nhớ. | Là tên gọi sự vật hay người  Đọc    Trả lời  Trả lời  Suy nghĩ  Trả lời  Trả lời  Đặt câu    Đọc | **I.** **Đặc điểm của danh từ**:  ***1. Đọc.***  ***2. Nhận xét:***  **\*** Xác định danh từ:  - con trâu -> danh từ.  - ba con trâu ấy -> cụm danh từ.  **\*** Khả năng kết hợp:  - ba: từ chỉ số lượng đứng trước.  - ấy: chỉ từ đứng sau.  **\*** Các danh từ khác trong câu.  - Vua, làng, thúng, gạo, nếp.  **\*** Danh từ biểu thị:  - con: chỉ loại.  - trâu: chỉ vật.  - Từ đứng trước: ba. (số lượng)  - Từ đứng sau: ấy (chỉ sự phân biệt cụ thể)  **\*** Đặt câu với các danh từ:  - Vua Hùng chọn người nối ngôi.  - Làng tôi nằm ven sông Lô.  - An là học sinh giỏi của lớp 6A.  **\* Ghi nhớ 1:** (sgk -86) |
| **HĐ 2**: **HDHS tìm hiểu danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật**  Phân biệt nghĩa của các danh từ in đậm.Có gì khác danh từ đứng sau?  - Hãy tìm từ khác thay thế cho  danh từ in đậm?  - Danh từ chỉ đơn vị có mấy nhóm?  - Trường hợp nào đơn vị tính đếm, đo lường không thay đổi?  - Trường hợp nào đơn vị tính đếm, đo lường thay đổi?  - Vì sao có thể nói: nhà có 3 thúng gạo rất đầy, nhưng không thể nói: nhà có 6 tạ thóc rất nặng?  ( + 3 thúng gạo: đ.vị ước chừng.  + 6 tạ thóc: đ. vị chính xác.)  - Gọi h/s đọc ghi nhớ. | Suy nghĩ  Trả lời  Trả lời  Trả lời  Trả lời  Trả lời  Thảo luận  Trình bày  Đọc | **II.** **Danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật.**  ***1. Phân biệt nghĩa của từ.***  - con-> chỉ loại + trâu-> chỉ vật.  - viên-> chỉ loại + quan->. ..người.  (dt chỉ đvị tự nhiên)  - thúng-> đơn vị + gạo -> sự vật.  - tạ -> đơn vị + thóc -> sự vật.  ***2. Thay thế danh từ:***  **\*** Danh từ chỉ đơn vị gồm 2 nhóm:  VD1: thay con = chú.  viên = ông.  -> Đơn vị tính đếm, đo lường là đơn vị tự nhiên thì không thay đổi. ( còn gọi là loại từ.)  VD2: thay: thúng = rá.  tạ = cân.  -> Đơn vị tính đếm, đo lường là đơn vị quy ước thì có thể thay đổi .  ***3. Danh từ chỉ đơn vị quy ước gồm 2 nhóm:***  - Danh từ chỉ đơn vị chính xác.  VD: 2 tạ, 1 cân…  - Danh từ chỉ đơn vị ước chừng.  VD: thúng, rá, bơ, vốc, nắm…  **\* Ghi nhớ 2** (sgk-87) |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (10’)** | | |
| - Gọi h/s đọc bài tập 1.  - Em hãy chỉ ra một số danh từ  chỉ sự vật?  - Hãy liệt kê các loại từ chuyên  đứng trước danh từ chỉ người?  - Chuyên đứng trước danh từ chỉ đồ vật?  - Hãy liệt kê các danh từ chỉ đơn vị quy ước chính xác? quy ước ước chừng? | Đọc  Liệt kê  Trả lời | **III**. **Luyện tập.**  **1. Bài tập 1**:  - Một số danh từ chỉ sự vật: Lợn, gà,  bàn, ghế, nhà, cửa, dầu, mỡ, đường…  **2. Bài tập 2:**  Liệt kê các loại từ:  a) Ông, bà, chú, bác, cô, ngài, vị, viên  b) Quyển, quả, pho, tờ, chiếc, bộ, cái, bức, tấm…  **3.** **Bài tập 3**.  Liệt kê các danh từ:  a) Chỉ đơn vị quy ước chính xác:  - Mét, gam, lít, ki-lô-gam,  b) Đơn vị quy ước ước chừng:  - Nắm, mớ, đàn, thúng, vốc, gang... |
| **D.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 3’)** | | |
| GV yêu cầu hs tìm 12 danh từ trong bài “Sơn Tinh - Thủy Tinh” | Hs tìm danh từ |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI - ỨNG DỤNG ( 1’)** | | |
| - Về nhà học thuộc phần ghi nhớ.  - Làm bài tập 4,5 trong sgk.  - Soạn và chuẩn bị trước bài “NGÔI KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ” | Hs lắng nghe và thực hiện |  |

**\*Rút kinh nghiệm:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………